

## Nội dung yêu cầu

### I. Lời mở đầu

Những cải cách kinh tế mạnh mẽ trong gần hai thập kỷ đổi mới vừa qua đã mang lại cho Việt Nam những thành quả bước đầu rất đáng phấn khởi. Việt Nam đã tạo ra được 1 môi trường kinh tế thị trường có tính cạnh tranh và năng động hơn bao giờ hết. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được khuyến khích phát triển, tạo nên tính hiệu quả trong việc huy động các nguồn lực xã hội phục vụ cho tăng trưởng kinh tế. Các quan hệ kinh tế đối ngoại đã trở nên thông thoáng hơn, thu hút được ngày càng nhiều các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu và phát triển thêm một số lĩnh vực hoạt động tạo ra nguồn thu ngoại tệ ngày càng lớn như du lịch, xuất khẩu lao động, tiếp nhận kiều hối...

Sự phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển và sự phát triển các quan hệ kinh tế trong nước tạo đà cho sự phát triển của lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Việc phát triển mạnh của lĩnh vực kinh tế đối ngoại làm cho nền kinh tế đất nước trở thành một mắt khâu quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu và do đó, sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu làm tăng giá trị nền kinh tế. Động lực phát triển kinh tế toàn cầu, lúc đó, sẽ trở thành động lực tăng trưởng trực tiếp của nền kinh tế.

## II. Nội dung chính

### Chương 1: Lý thuyết về chính sách kinh tế đối ngoại

#### a. Giới thiệu môn học, vị trí môn học trong chương trình học đại học.

Việc quản lý nguồn lực của xã hội có ý nghĩa quan trọng vì nguồn lực có tính khan hiếm. *Kinh tế học* là môn học nghiên cứu cách thức sử dụng các nguồn lực khan hiếm nhằm thỏa mãn các nhu cầu không có giới hạn của chúng ta một cách tốt nhất có thể.

*Chi phí cơ hội* của việc thực hiện một hành động là phương án thay thế tốt nhất, hay có giá trị nhất, mà bạn phải từ bỏ để thực hiện hành động đó.

*Kinh tế học vĩ mô* là một phân ngành của *kinh tế học*, nghiên cứu về cách ứng xử nói chung của mọi thành phần kinh tế, cùng với kết quả cộng hưởng của các quyết định cá nhân trong nền kinh tế đó. Loại hình này tương phản với *kinh tế học vi mô* chỉ nghiên cứu về cách ứng xử kinh tế của cá nhân người tiêu dùng, nhà máy, hoặc một loại hình công nghiệp nào đó.

Những vấn đề then chốt được *kinh tế học vĩ mô* quan tâm nghiên cứu bao gồm mức sản xuất, thất nghiệp, mức giá chung và cán cân thương mại của một nền kinh tế. Phân tích *kinh tế học vĩ mô* hướng vào giải đáp các câu hỏi như: *Điều gì quyết định giá trị hiện tại của các biến số này? Điều gì quy định những thay đổi của các biến số này trong ngắn hạn và dài hạn?*

Một trong những thước đo quan trọng nhất về thành tựu *kinh tế vĩ mô* của một quốc gia là *tổng sản phẩm trong nước* (GDP). GDP đo lường tổng sản lượng và tổng thu nhập của một quốc gia. Phần lớn các nước trên thế giới đều có *tăng trưởng kinh tế* trong dài hạn. Các nhà kinh tế vĩ mô tìm cách giải thích sự tăng trưởng này. Mặc dù tăng trưởng kinh tế là một hiện tượng phổ biến trong dài hạn, nhưng sự tăng trưởng này có thể không ổn định giữa các năm. Trên thực tế, GDP có thể giảm trong một số thời kì. Những biến động ngắn hạn của GDP được gọi là *chu kì kinh doanh*. Hiểu biết về chu kì kinh doanh là một mục tiêu chính của kinh tế học vĩ mô. Tại sao các chu kì kinh doanh lại xuất hiện? Các lực lượng kinh tế nào gây ra sự suy giảm tạm thời trong mức sản xuất, các lực lượng nào làm cho nền kinh tế phục hồi? Phải chăng các chu kì kinh doanh gây ra bởi các sự kiện không dự tính được hay chúng bắt nguồn từ các lực lượng nội tại có thể dự tính trước được? Liệu *chính sách của chính phủ* có thể sử dụng để làm dịu bớt hay triệt tiêu

những biến động ngắn hạn trong nền kinh tế hay không? Đây là những vấn đề lớn đã được đưa ra và ít nhất cũng đã được giải đáp một phần bởi kinh tế học vĩ mô hiện đại.

*Tỷ lệ thất nghiệp*, 1 thước đo cơ bản về cơ hội tìm việc làm và hiện trạng của thị trường lao động, cho chúng ta một thước đo khác về hoạt động của nền kinh tế. Sự biến động ngắn hạn của tỉ lệ thất nghiệp liên quan đến những dao động theo chu kì kinh doanh. Những thời kì sản lượng giảm thường đi kèm với tăng thất nghiệp và ngược lại. Một mục tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản đối với mọi quốc gia là đảm bảo trạng thái đầy đủ việc làm, sao cho mọi lao động sẵn sàng và có khả năng làm việc tại mức tiền lương hiện hành đều có việc làm.

Biến số then chốt thứ ba mà các nhà kinh tế vĩ mô đề cập đến là *lạm phát*. Lạm phát là hiện tượng phổ biến trên toàn thế giới trong những thập kỉ gần đây. Vấn đề đặt ra là điều gì quyết định tỉ lệ lạm phát dài hạn và những dao động ngắn hạn của lạm phát trong một nền kinh tế? Sự thay đổi tỉ lệ lạm phát có liên quan như thế nào đến chu kì kinh doanh? Lạm phát có tác động đến nền kinh tế như thế nào và phải chăng ngân hàng trung ương nên theo đuổi mục tiêu lạm phát bằng không?

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa đã trở thành một trong những xu thế phát triển chủ yếu của quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại, tất cả các nước trên thế giới đều điều chỉnh chính sách theo hướng mở cửa, giảm và tiến tới dỡ bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế qua, làm cho việc trao đổi hàng hóa, luân chuyển các yếu tố sản xuất như vốn, lao động và kĩ thuật trên thế giới ngày càng thông thoáng hơn, một vấn đề được kinh tế học vĩ mô hiện đại quan tâm nghiên cứu là *cán cân thương mại*. Để hiểu cán cân thương mại vấn đề then chốt cần nhận thức là mất cân bằng thương mại liên quan chặt chẽ với dòng chu chuyển vốn quốc tế. Như vậy, nghiên cứu về mất cân bằng thương mại liên quan chặt chẽ với việc xem xét tại sao các công dân một nước lại đi vay hoặc cho vay các công dân nước khác vay tiền.

Cũng như các lĩnh vực nghiên cứu khác, kinh tế học nói chung và kinh tế học vĩ mô nói riêng có những cách nói và tư duy riêng. Điều cần thiết là phải học được các thuật ngữ của kinh tế học bởi vì nắm được các thuật ngữ này sẽ giúp cho bạn trao đổi với những người khác về các vấn đề kinh tế một cách chính xác. Việc nghiên cứu kinh tế học có một đóng góp rất lớn vào nhận thức của bạn về thế giới và nhiều vấn đề xã hội của nó. Tiếp cận nghiên cứu với một tư duy mở sẽ giúp bạn hiểu được các sự kiện mà bạn chưa từng biết trước đó.

## **b. Phân tích chính sách kinh tế đối ngoại dưới góc độ lý thuyết kinh tế học.**

Có nhiều khái niệm khác nhau về ngoại thương. Song xét về đặc trưng thì ngoại thương được định nghĩa là việc mua, bán hàng hoá và dịch vụ qua biên giới quốc gia (tức vai trò của nó như chiếc cầu nối cung, cầu hàng hoá và dịch vụ của thị trường trong và ngoài nước về số lượng và thời gian sản xuất). Các nhà kinh tế học còn dùng định nghĩa ngoại thương như là 1 công nghệ khác để sản xuất hàng hoá và dịch vụ (như là 1 quá trình sản xuất gián tiếp).

Trong hoạt động ngoại thương: *xuất khẩu* là việc bán hàng hoá và dịch vụ cho nước ngoài, *nhập khẩu* là việc mua hàng hoá và dịch vụ của nước ngoài. Mục tiêu chính của ngoại thương là xuất khẩu. Xuất khẩu là để nhập khẩu; nhập khẩu là nguồn lợi chính từ ngoại thương.

Điều kiện để ngoại thương sinh ra, tồn tại và phát triển là:

1. Có sự tồn tại và phát triển của kinh tế hàng hoá - tiền tệ kèm theo đó là sự xuất hiện của tư bản thương nghiệp;
2. Sự ra đời của Nhà nước và sự phát triển của *phân công lao động quốc tế giữa các nước*.

Kinh tế ngoại thương là 1 môn kinh tế ngành. Khái niệm ngành kinh tế ngoại thương còn được hiểu là 1 tổ hợp cơ cấu tổ chức thực hiện chức năng mở rộng, giao lưu hàng hoá, dịch vụ với nước ngoài.

Đối tượng nghiên cứu của kinh tế ngoại thương là các quan hệ kinh tế trong lĩnh vực buôn bán của 1 nước với các nước khác. Cụ thể, nó nghiên cứu sự hình thành, cơ chế vận động, quy luật và xu hướng phát triển của hoạt động ngoại thương. Từ đó, xây dựng cơ sở khoa học cho việc tổ chức quản lý và kích thích sự phát triển ngoại thương phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Chính sách kinh tế được xây dựng trên cơ sở nhận thức các quy luật kinh tế. Nó là sản phẩm chủ quan. Nếu các chính sách kinh tế giải quyết đúng đắn các lợi ích kinh tế thì chúng phát huy tác dụng tích cực đến toàn bộ quá trình tái sản xuất, cũng như mở rộng giao lưu kinh tế với nước ngoài. Ngược lại, chúng sẽ kìm hãm sự phát triển.

Cơ sở lý luận của kinh tế ngoại thương là kinh tế chính trị học Mác-Lênin, các lý thuyết về thương mại và phát triển.

Kinh tế ngoại thương là khoa học kinh tế; là khoa học về sự lựa chọn các cách thức hoạt động phù hợp với các quy luật kinh tế, với xu hướng phát triển của thời đại nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội tối ưu.

Phương pháp nghiên cứu: quan sát các hiện tượng, trừu tượng hoá, có quan điểm hệ thống và toàn diện, có quan điểm lịch sử trong nghiên cứu, xây dựng phương án, thực nghiệm kinh tế, ứng dụng các thành tựu khoa học hiện đại....

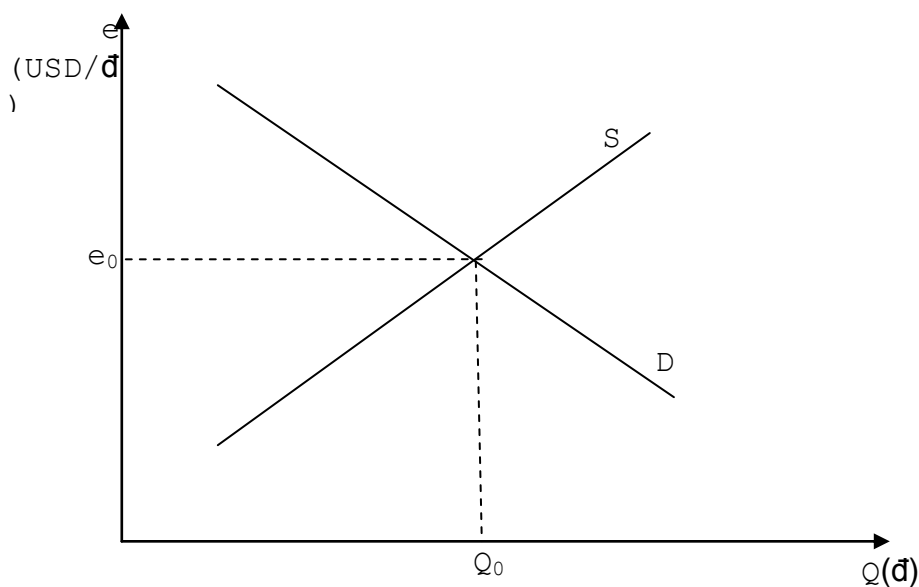
### c. Phân tích cơ chế xác định tỷ giá hối đoái.

Tỷ giá hối đoái được quyết định bởi các lực lượng cung và cầu.

Đường cầu về 1 loại tiền là hàm của tỷ giá hối đoái của nó dốc xuống phía bên phải; tỷ giá hối đoái càng cao thì hàng hoá của nước ấy càng trở nên đắt hơn đối với những người nước ngoài và càng ít hàng hoá được xuất khẩu hơn.

Đường cầu về tiền là 1 hàm của tỷ giá hối đoái của nó, dốc lên trên về phía phải. Tỷ giá hối đoái càng cao thì hàng hoá nước ngoài càng rẻ và hàng hoá ngoại nhập vào nước ấy càng nhiều.

Các tỷ giá hối đoái được xác định chủ yếu thông qua các lực lượng thị trường của cung và cầu. Bất kì cái gì làm tăng cầu về 1 đồng tiền trên thị trường ngoại hối hoặc làm giảm cung của nó đều có xu hướng làm cho tỷ giá hối đoái của nó tăng lên. Bất kì cái gì làm giảm cầu về 1 đồng tiền hoặc làm tăng cung đồng tiền ấy trên các thị trường ngoại hối sẽ hướng tới làm cho giá trị trao đổi của nó giảm xuống.

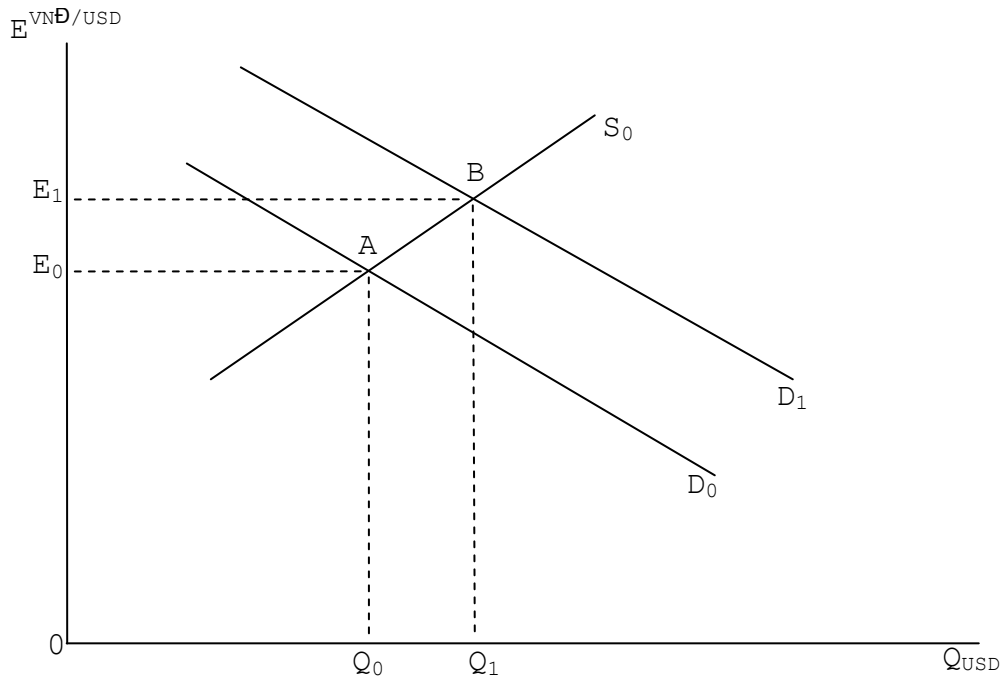


*Thị trường ngoại hối của đồng Việt Nam với đồng đô-la Mỹ*

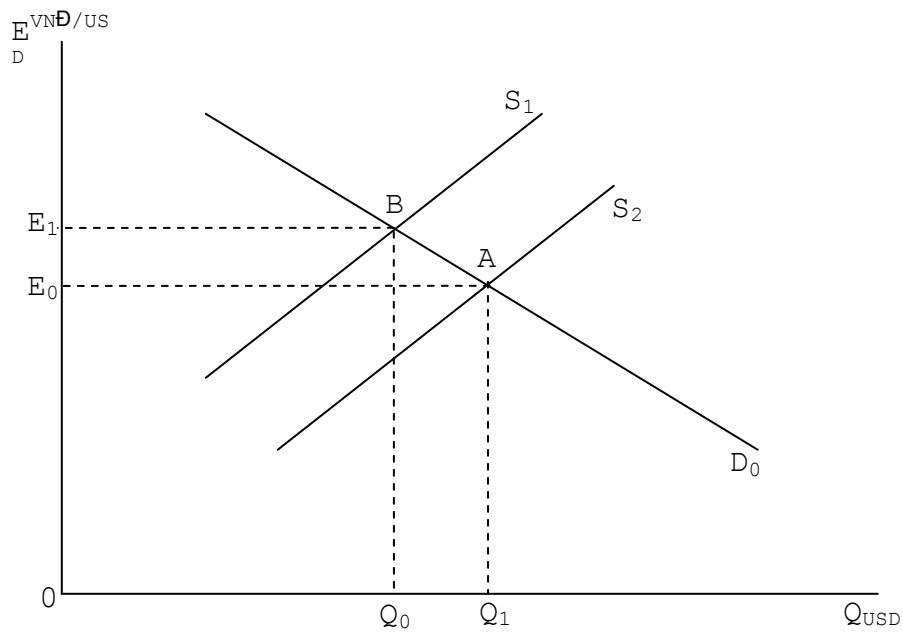
Các nguyên nhân của sự dịch chuyển các đường cung và cầu trên thị trường ngoại hối:

- *Cán cân thương mại*: trong các điều kiện khác không đổi, nếu nhập khẩu của 1 nước tăng thì đường cung về tiền tệ của nước ấy sẽ dịch chuyển sang phía phải.
- *Tỷ lệ lạm phát tương đối*: nếu tỷ lệ lạm phát của 1 nước cao hơn tỷ lệ lạm phát của 1 nước khác thì nước đó sẽ cần nhiều tiền hơn để mua 1 lượng tiền nhất định của nước kia. Điều này làm cho đường cung dịch chuyển sang phải và tỷ giá hối đoái giảm xuống.
- *Sự vận động của vốn*: khi người nước ngoài mua tài sản tài chính, lãi suất có ảnh hưởng mạnh. Khi lãi suất của 1 nước tăng lên 1 cách tương đối so với nước khác, thì các tài sản của nó tạo ra tỷ lệ tiền lời cao hơn và có nhiều người dân nước ngoài muốn mua tài sản ấy. Điều này làm cho đường cầu về tiền của nước đó dịch sang phải và làm tăng tỷ giá hối đoái của nó. Đây là 1 trong những ảnh hưởng quan trọng nhất tới tỷ giá hối đoái ở các nước phát triển cao.
- *Dự trữ và đầu cơ ngoại tệ*: đều có thể làm dịch chuyển các đường cung và cầu ngoại tệ. Đầu cơ có thể gây ra những thay đổi lớn về tiền. Cầu về 1 loại tài sản phụ thuộc vào mức giá kỳ vọng mà tài sản đó có thể bán được trong tương lai.

Cung và cầu về ngoại tệ được quyết định bởi xuất khẩu và nhập khẩu, cầu của người nước ngoài muốn đầu tư vào nước đó, cầu của người nước đó muốn đầu tư ra nước ngoài, và bởi các nhà đầu cơ có nhu cầu về các loại tiền khác nhau dựa trên kỳ vọng về sự thay đổi tỷ giá hối đoái.



a. Sự dịch chuyển đường cầu

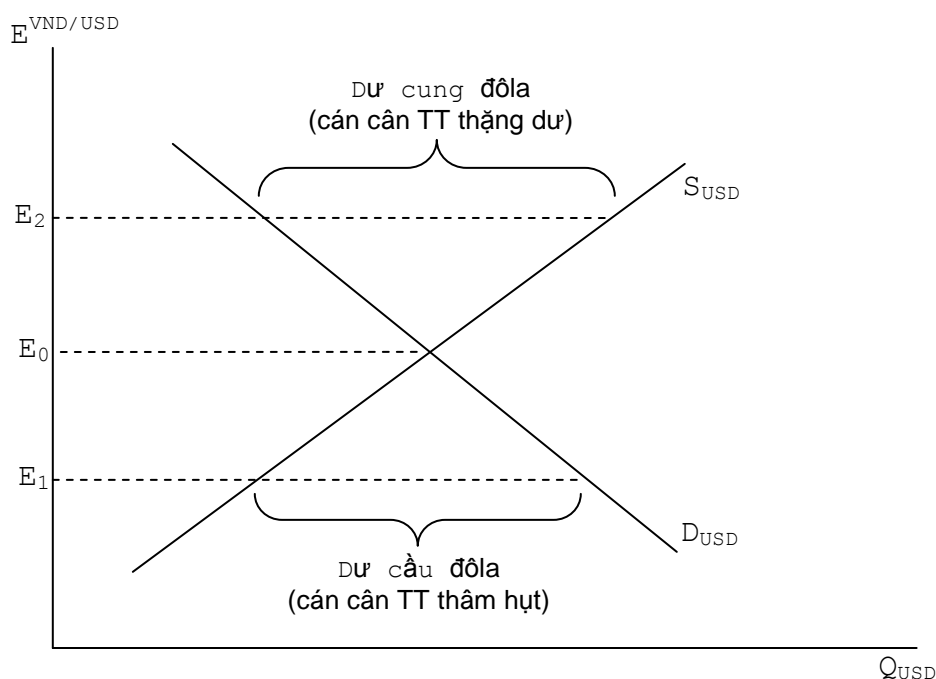


b. Sự dịch chuyển đường cung

**Sự thay đổi tỷ giá hối đoái của đồng tiền Việt Nam và đồng đô-la Mỹ**

### d. Trình bày ảnh hưởng của chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý đến các hoạt động kinh tế vĩ mô

Xác định tỷ giá hối đoái trong hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi:



#### Xác định tỷ giá hối đoái

Giả sử mức giá đôla hiện tại là quá thấp ( $E_1$ ). Khi đó lượng cầu về đôla vượt quá cung. Do đôla khan hiếm, 1 số công ty cần đôla để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu không mua được đôla, và họ sẽ sẵn sàng trả giá cao hơn để mua được đủ số đôla cần thiết. Những hành động như vậy sẽ đẩy giá đôla tăng lên ( $E_0$ ). Ngược lại, nếu hiện tại giá đôla quá cao ( $E_2$ ). Khi đó lượng đôla có nhu cầu thấp hơn lượng đôla cung ứng. Nhiều người cần bán đôla sẽ không bán được và họ sẽ sẵn sàng hạ giá để bán được đủ số đôla cần thiết. Chỉ tại mức tỷ giá  $E_0$  thì quá trình điều chỉnh mới dừng lại. Khi đó, lượng cầu về đôla đúng bằng lượng đôla cung ứng.  $E_0$ : tỷ giá hối đoái cân bằng.

Hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý: Không cho tỷ giá hoàn toàn thả nổi theo các lực lượng cung và cầu như trong hệ thống tỷ giá thả nổi, các ngân hàng trung ương đều có những can thiệp nhất định vào thị trường ngoại hối. Các nhà kinh tế thường gọi đó là *hệ thống tỷ giá thả nổi có quản lý*. Mục đích của sự can thiệp của ngân hàng trung ương trong hệ thống tỷ giá thả nổi có quản lý là hạn chế hoặc thu hẹp biên độ dao động của tỷ giá hối đoái.



Như vậy, hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý chính là sự kết hợp tỷ giá hối đoái thả nổi với sự can thiệp của ngân hàng trung ương. Chính vì vậy sử dụng hệ thống này có thể phát huy được những điểm mạnh và hạn chế được những yếu điểm của 2 hệ thống: thả nổi và cố định. Hệ thống này cũng thường được coi là sự mô tả tốt nhất về chế độ tỷ giá hối đoái mà hiện tại đa số các quốc gia đang theo đuổi.

## ***Chương 2: Đánh giá việc thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam thời kì 2002 - 2007***

### **a. Nhận xét chung tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam**

*Thứ nhất*, nước ta đang trong quá trình từ 1 nền sản xuất nhỏ phổ biến đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm này một mặt nói lên khó khăn của ta trong việc tham gia vào phân công lao động quốc tế, ảnh hưởng đến cung, cầu về hàng hoá, mặt khác nói lên tính cấp thiết, tất yếu của mở rộng ngoại thương và tham gia thị trường thế giới để tạo tiền đề cho phát triển sản xuất hàng hoá ở nước ta.

*Thứ hai*, nền kinh tế nước ta là 1 nền kinh tế có nhiều thành phần tham gia như quốc doanh, tư nhân ... và hợp tác giữa các thành phần đó. Sự hoạt động của các thành phần kinh tế trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hoá đương nhiên diễn ra sự cạnh tranh & cả sự hợp tác trên thị trường trong và ngoài nước. Điều này đòi hỏi phải có hình thức tổ chức quản lí và chính sách phù hợp với sự phát triển của các mối quan hệ đó.

#### **1) Tình hình kinh tế xã hội năm 2002**

Tổng sản phẩm trong nước năm 2002 tăng 7,04% so với 2001, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,06%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,44%, khu vực dịch vụ tăng 6,54%. Trong 7,04% tăng trưởng GDP, khu vực Công nghiệp và xây dựng đóng góp 3,45%, khu vực dịch vụ 2,68%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 0,91%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Tỷ trọng ngành lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 25,43% năm 1999 xuống còn 22,99% năm 2002; các con số tương ứng của khu vực công nghiệp và xây dựng là 34,49% và 38,55%; của khu vực dịch vụ là 40,08% và 38,46%.

#### **2) Tình hình kinh tế xã hội năm 2003**

a) Kinh tế tăng trưởng với tốc độ tương đối cao và cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Năm 2003 tổng sản phẩm trong nước tăng 7,24%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,42%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,08%; khu vực dịch vụ tăng 6,37%.

b) Vốn đầu tư phát triển và cơ sở hạ tầng của nền kinh tế đã tăng lên đáng kể

Tổng số vốn đầu tư phát triển 3 năm 2001-2003 theo giá thực tế đã đạt 564928 tỷ đồng, bằng 95,8% tổng số vốn đầu tư phát triển huy động được trong kế hoạch 5 năm 1996-2000. Tính

ra, vốn đầu tư phát triển bình quân mỗi năm trong 3 năm 2001-2003 đạt 188295 tỷ đồng, bằng 159,7% mức bình quân mỗi năm trong kế hoạch 5 năm 1996-2000.

c) Đời sống các tầng lớp dân cư tiếp tục được cải thiện và xoá đói giảm nghèo đạt kết quả quan trọng

Do kinh tế tăng trưởng với tốc độ tương đối khá, giá cả ổn định và việc điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 180 nghìn đồng cuối năm 2000 lên 290 nghìn đồng đầu năm 2003 cùng với việc triển khai nhiều chương trình xoá đói giảm nghèo nên đời sống các tầng lớp dân cư ở cả thành thị và nông thôn nhìn chung tiếp tục được cải thiện.

Thành tựu về mức sống kết hợp với thành tựu về giáo dục và y tế được thể hiện rõ trong chỉ tiêu chất lượng tổng hợp HDI. Theo tính toán của UNDP thì chỉ số này của nước ta đã tăng từ 0,583 năm 1985 lên 0,605 năm 1990; 0,649 năm 1995 và 0,688 năm 2003. Nếu xếp thứ tự theo chỉ số này thì nước ta từ vị trí thứ 122/174 nước năm 1995 lên vị trí 113/174 nước năm 1998; 110/174 nước năm 1999 và 109/175 nước năm 2003.

### **3) Tình hình kinh tế xã hội năm 2004**

Năm 2004, VN đã đạt được những kết quả đáng kể, tăng trưởng kinh tế GDP khá và ổn định, năm sau cao hơn năm trước (năm 2002 tăng 7,1%, năm 2003 tăng 7,3%, ước tính năm 2004 là 7,6%).

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, từng bước gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm từ 21,8% năm 2003 xuống còn 20,4% năm 2004. Trong khi đó, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục tăng trưởng, dự kiến đạt 41,1%, tăng 1,1% so với năm 2003. Đặc biệt tỷ trọng ngành dịch vụ sau 3 năm liên tục giảm thì năm 2004 đã có xu hướng phục hồi, dự kiến đạt 38,5% (năm 2003 là 38,2%). Giá trị công nghiệp tăng 15,6%, trong đó giá trị tăng thêm đạt 10,6%, cao nhất từ nhiều năm nay đã góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế.

### **4) Tình hình kinh tế xã hội năm 2005**

Theo Ủy ban Kinh tế và Xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương (ESCAP), với tốc độ tăng trưởng 8,4%, mức cao kỷ lục trong vòng 5 năm trở lại đây, là một con số biết nói lên tất cả, Việt Nam là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất ở khu vực Đông Nam Á trong năm 2005. Chỉ số năng lực cạnh tranh tăng trưởng của Việt Nam giảm từ 77 xuống 81, chỉ số năng lực cạnh tranh doanh nghiệp từ 79 xuống 80. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam năm 2005 tăng 4 bậc, lên mức 108.

Kết quả điều tra kinh tế xã hội trong khu vực của ESCAP cho thấy, ngành sản xuất là động lực chủ yếu của nền kinh tế và tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp được ghi nhận ở mức 10,6%. Ngành dịch vụ cũng tăng trưởng mạnh với tốc độ 8,4%; trong khi ngành nông nghiệp tăng 4%.

Về hoạt động thương mại, xuất khẩu của Việt Nam ước tính tăng khoảng 20% trong năm ngoái, nhập khẩu tăng 22,5%. Thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai đã giảm từ mức -2% GDP trong năm 2004 xuống còn -0,9% GDP trong năm 2005.

Tăng trưởng kinh tế cũng được tiếp sức bởi mức đầu tư cao (21 tỷ USD), chiếm 38,9% GDP (cao nhất trong những năm gần đây).

Đầu tư từ khu vực tư nhân (chiếm hơn 32% tổng vốn) có tốc độ phát triển nhanh nhất, tăng 28%. Đầu tư của khu vực tư nhân có hiệu quả cao hơn so với khu vực nhà nước và giúp tạo ra nhiều việc làm cho nền kinh tế. Vốn đầu tư tăng trong khu vực này là một dấu hiệu đáng mừng, cho thấy tiềm lực trong nước đang tăng lên và môi trường kinh doanh đang được cải thiện.

Vốn FDI năm nay đã tăng gần 40%, đạt 5,8 tỷ USD, mức cao nhất trong 10 năm (trong đó, đầu tư mới là 4 tỷ USD, đầu tư bổ sung là 1,9 tỷ USD). Có thể nhận thấy rằng năm 2005 đã khởi đầu cho một làn sóng đầu tư FDI mới (sau khi suy giảm từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Á)

## **5) Tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam năm 2006**

### **Thành tựu:**

- Việt-Nam giảm thuế đối với tất cả những hàng nhập cảng từ tất cả 10 thành viên của khối AFTA xuống còn 0-5% kể từ ngày 01.01.2006.
- Việt-Nam đã hoàn thành trách nhiệm tổ chức một hội nghị lớn nhất từ trước đến nay đó là Hội Nghị APEC vào giữa tháng 11, quy tụ nguyên thủ và đại diện của 21 quốc gia và lãnh thổ.
- Việt-Nam đã được Hoa-Kỳ chấp thuận cho hưởng quy chế PNTR. Kết quả là kể từ nay việc buôn bán giữa Hoa-kỳ với Việt-Nam sẽ không còn phải được cứu xét lại hàng năm như trước đây.
- WTO đã nhận Việt-Nam là thành viên thứ 150 của tổ chức WTO. Quy chế này bắt đầu có hiệu quả vào ngày 11.01.2007.

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm ước tăng 8,2% (kế hoạch là 8%). GDP bình quân đầu người đạt trên 11,5 triệu đồng, tương đương 720 USD (năm 2005 đạt trên 10 triệu đồng, tương đương 640 USD)

- Giá trị tăng thêm của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,4 - 3,5% (kế hoạch là 3,8%); ngành công nghiệp và xây dựng tăng 10,4 - 10,5% (kế hoạch là 10,2%); ngành dịch vụ tăng 8,2 - 8,3% (kế hoạch là 8%);
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 20% (kế hoạch là 16,4%);
- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 41% GDP (kế hoạch là 38,6%);
- Tốc độ tăng giá tiêu dùng khoảng 7 - 7,5% (kế hoạch là thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế);
- Tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 258 nghìn tỷ đồng (dự toán là 237,9 nghìn tỷ đồng), tăng 19%; tổng chi ngân sách nhà nước đạt trên 315 nghìn tỷ đồng (dự toán là 294,4 nghìn tỷ đồng), tăng 20%; bội chi ngân sách nhà nước trong mức 5% GDP (dự toán là 5%);

#### **Yếu kém:**

Tốc độ tăng GDP vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng của sự tăng trưởng, nhất là sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn nhiều yếu kém. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Việc phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà nước và xã hội còn kém hiệu quả. Các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, sự phát triển của KH - CN, GD - ĐT, bảo vệ - cải thiện môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều trở ngại. Đời sống nhân dân nhiều nơi ở nông thôn, nhất là miền núi, vùng bị thiên tai còn nhiều khó khăn. Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí tuy có được những kết quả, nhưng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Tai nạn giao thông vẫn ở mức cao. Lạm phát cao là một trong những rủi ro cho sự phát triển kinh tế.

#### **6) Tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam năm 2007**

##### **Thành tựu:**

- Tăng trưởng kinh tế cao nhất so với tốc độ tăng của 12 năm trước đó, đạt được mức cao của mục tiêu do Quốc hội đề ra, thuộc loại cao so với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần làm cho quy mô kinh tế lớn lên. GDP tính theo giá thực tế đạt khoảng 1.143 nghìn tỉ đồng, bình quân đầu người đạt khoảng 13,42 triệu đồng, tương đương với 71,5 tỉ USD và 839 USD/người
- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Theo nhóm ngành kinh tế, nông, lâm nghiệp-thủy sản vốn tăng thấp, năm nay lại gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh lớn nên tăng thấp và tỷ trọng trong GDP của nhóm ngành này tiếp tục giảm (hiện chỉ còn dưới 20%). Công

ngành-xây dựng tiếp tục tăng hai chữ số, cao nhất trong ba nhóm ngành, nên tỷ trọng trong GDP tiếp tục tăng (hiện đạt gần 42%), phù hợp với giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo thành phần kinh tế, kinh tế ngoài nhà nước, đặc biệt là kinh tế tự nhiên, tăng trưởng cao hơn tốc độ chung, nên tỷ trọng của khu vực này trong GDP đã cao lên và hiện đã đạt cao hơn khu vực nhà nước (46% so với dưới 37%). Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng cao hơn tốc độ chung, nên tỷ trọng trong GDP cũng cao lên (hiện đạt trên 17%).

- Tăng trưởng kinh tế cao nên chỉ số phát triển con người (HDI) đạt được nhiều sự vượt trội. HDI tăng lên qua các năm (1985 mới đạt 0,590, năm 1990 đạt 0,620, năm 1995 đạt 0,672, năm 2000 đạt 0,711, năm 2005 đạt 0,733, khả năng năm 2007 đạt trên 0,75%). Tỷ lệ nghèo đã giảm (từ 17,8% xuống còn 14,8%).

- Vị trí quốc tế của Việt Nam gia tăng với việc chính thức trở thành thành viên WTO, được bầu làm Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc.

#### **Yếu kém:**

Giá tiêu dùng tăng cao nhất so với 11 năm trước đó và cao hơn tốc độ tăng GDP. Nhập siêu gia tăng cả về kim ngạch tuyệt đối, cả về tỷ lệ nhập siêu. Ách tắc và tai nạn giao thông nghiêm trọng...

**Nhận xét chung về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam giai đoạn 2002-2007:** Về cơ bản thì tình hình kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn này tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng cao, chỉ số phát triển con người không ngừng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người ngày một cải thiện và từ đó đời sống của nhân dân ngày một đi lên. Vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế đặc biệt khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới. Gia nhập vào sân chơi toàn cầu này đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển, để đuổi kịp với sự phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới nhưng cũng đem lại cho Việt Nam những thách thức không nhỏ. Việt Nam hiện nay được đánh giá là một điểm đến cho các nhà đầu tư nước ngoài bởi vì Việt Nam có một môi trường kinh doanh ổn định.....

#### **b. Trình bày mục tiêu của chính sách kinh tế đối ngoại thời kì 2002 - 2007**

Hoạt động ngoại giao của mọi quốc gia luôn nhằm thực hiện ba mục tiêu cơ bản, đó là: (1) bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; (2) tranh thủ và tạo những điều kiện quốc tế

thuận lợi để phát triển đất nước; và (3) nâng cao vị thế và mở rộng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Ba mục tiêu này liên quan mật thiết với nhau, tác động qua lại, tạo nên một thể thống nhất, trong đó nhiệm vụ phát triển kinh tế đóng vai trò vô cùng quan trọng. Ở nước ta, sau hàng chục năm chiến đấu anh dũng và thắng lợi để bảo vệ tổ quốc, lần đầu tiên, đất nước ta có điều kiện hoà bình, ổn định để phát triển. Trước xu thế toàn cầu hoá và sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ mới hiện nay, việc triển khai các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT), tận dụng tối đa những cơ hội phát triển và khắc phục nguy cơ tụt hậu là yêu cầu cấp thiết đối với đất nước ta.

HNKTQT là xu thế tất yếu. HNKTQT là quá trình từng bước xây dựng một nền kinh tế mở, gắn kết nền kinh tế trong nước với nền kinh tế khu vực và thế giới, là xu thế khách quan không một quốc gia nào có thể đứng ngoài cuộc. Hội nhập không phải là một hiện tượng mới. HNKTQT được thúc đẩy bởi những nhân tố chính sau:

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin;
- Hoạt động thương mại, tài chính-tiền tệ và đầu tư quốc tế gia tăng mạnh mẽ theo xu hướng tự do hoá;
- Thương mại hàng hóa, dịch vụ ngày càng gia tăng, chiếm tỷ trọng lớn trong GDP của các nước;
- Các công ty xuyên quốc gia (TNC) ngày càng lớn mạnh đóng vai trò tiên phong của quá trình toàn cầu hóa;
- Sự thay đổi cơ bản về khái niệm an ninh, lấy phát triển kinh tế là cách thức hữu hiệu để bảo đảm an ninh cho mỗi quốc gia.

Bất cứ một nền kinh tế nào muốn không bị gạt ra ngoài lề của dòng chảy phát triển, đều phải nỗ lực hội nhập vào xu thế chung, điều chỉnh chính sách, mở cửa thị trường thông qua cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ rào cản phi quan thuế, làm cho việc trao đổi hàng hóa, luân chuyển vốn, lao động, công nghệ và kỹ thuật trên phạm vi thế giới ngày càng tự do, thông thoáng hơn.

### ***Chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước ta***

Đại hội Đảng VI (1986) đề ra chính sách đổi mới và các kỳ Đại hội Đảng VII (1991), Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII), Đại hội VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra và phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa với phương châm "*Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*" nhằm mục tiêu "*giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*". Đại hội Đảng IX đã đưa ra chủ trương "*chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường*".

Để cụ thể hóa chủ trương này, tháng 11/2001, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 07 NQ/TW về HNKTQT, trong đó nêu rõ mục tiêu, các quan điểm chỉ đạo cũng như những nhiệm vụ cụ thể trong tiến trình HNKTQT và khu vực. Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX (01/2004) cũng chỉ rõ nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX về HNKTQT là *"chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương nước ta đã ký và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)"*.

Từ lâu, nhiều nước trên thế giới đã xây dựng một nền ngoại giao lấy nội dung phục vụ phát triển kinh tế làm trọng tâm trong các hoạt động đối ngoại. Ở nước ta, ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế đã và đang trở thành một yêu cầu cấp thiết, một nhiệm vụ quan trọng. Trước xu thế toàn cầu hóa và HNKTQT, ngoại giao Việt Nam lại mang trên mình một trọng trách mới, đó là từng bước đưa đất nước ta hội nhập ngày càng sâu, rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới nhằm tận dụng tối đa các nguồn ngoại lực để cùng với nội lực, đẩy nhanh, mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ta vươn tới trình độ phát triển của các nước tiên tiến trên thế giới.

### **c. Thu thập các thông tin về chính sách kinh tế đối ngoại của chính phủ**

Trong công cuộc đổi mới của Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã liên tiếp đề ra và phát triển đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa với phương châm *"Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"* nhằm mục tiêu *"giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"*

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam diễn ra cùng một lúc trên 4 mặt :

**Một là**, tạo dựng và củng cố môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**Hai là**, ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi góp phần vào công cuộc phát triển đất nước, mở rộng hợp tác kinh tế. Đây là một nhiệm vụ trọng tâm của ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới.

**Ba là**, nâng cao vị thế nước nhà trên trường quốc tế.



**Bốn là**, chủ động tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

### **Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế**

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương... Củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả

các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỉ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn. Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế. Cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập những điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh vốn đầu tư quốc tế. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam. Phân đầu để vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả nguồn FDI. Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA, đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng, kiểm soát chặt chẽ, chống thất thoát và có kế hoạch đảm bảo trả nợ. Từng bước mở rộng đầu tư gián tiếp của nước ngoài. Có chính sách thu hút mạnh kiều hối vào phát triển kinh tế, xã hội.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học. Đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nhanh tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị tăng thêm cao, giàu hàm lượng công nghệ, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và nông sản chưa qua chế biến. Bằng các biện pháp ổn định và mở rộng thị trường xuất khẩu, phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm tới lên hơn hai lần 5 năm trước. Chủ động về nhập khẩu, kiểm chế và thu hẹp dần nhập siêu.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

Thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta năm 2010, tầm nhìn 2020, chính sách nhập khẩu của Nhà nước trong những năm tới là:

-Trích xuất danh sách hàng nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất trong nước. Về lâu dài, sẽ nguyên liệu cần thiết từ lúc cung cấp bằng nguồn trong nước như xăng dầu, phân bón, thuốc...

-Ưu tiên nhập khẩu máy móc thiết bị công nghệ mới phục vụ cho việc thực hiện những mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cho từng ngành xuất khẩu. Chú ý nhập khẩu công nghệ tiên tiến thay thế công nghệ lạc hậu.

-Tiết kiệm hàng nhập khẩu, chọn nhập khẩu vật tư phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu vụ sản xuất hàng tiêu dùng có giá trị thấp như quần áo.

-Danh sách hàng nhập khẩu thích hợp có nhập khẩu vật tư tiêu dùng thiết yếu.

-Bổ sung chính sách sản xuất nội địa.

Bước vào thế kỷ 21, Việt Nam tiếp tục kiên trì đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế theo phương châm "*Việt nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*". Nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại trong thời gian tới là tiếp tục tạo môi trường và điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Việt Nam sẽ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

#### **d. Phân tích và đánh giá dựa trên cơ sở thông tin thu thập được**

Việc giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, nối lại quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, ký Hiệp định khung với Liên minh châu Âu, bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, củng cố và mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển ở châu Á, Trung Đông, châu Phi, Mỹ La-tinh và các nước công nghiệp phát triển trên thế giới... việc Việt Nam gia nhập ASEAN góp phần phá thế bị bao vây, cô lập, tạo ra môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi hơn cho sự nghiệp xây dựng đất nước, đưa Việt Nam hội nhập về kinh tế với khu vực và quốc tế. Hoạt động đối ngoại cũng đã góp phần kiên quyết đấu tranh chống âm mưu và hành động lợi dụng chiêu bài "nhân quyền", "dân chủ" và "tự do tín ngưỡng" để can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam. Toàn bộ các hoạt động trên đã góp phần quan trọng và thiết thực vào việc tạo dựng môi trường khu vực tương đối ổn định và thuận lợi cho đất nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhờ những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới và chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam đã làm thất bại chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và đồng minh, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại song phương với hơn 130 nước và lãnh thổ, đón nhận nguồn đầu tư trên 36 tỷ USD của hơn 60 nước và lãnh thổ, tranh thủ hơn 13 tỷ USD từ nguồn viện trợ ưu đãi chính thức của các chính phủ và các tổ chức quốc tế và hàng tỷ USD viện trợ không hoàn lại của nhiều chính phủ và các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ. Việc tạo dựng môi trường quốc tế hòa bình, tăng cường hợp tác, mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước cũng là sự đóng góp trực tiếp và thiết thực cho yêu cầu bảo đảm an ninh.

Dưới tác động của cuộc cách mạng KH - CN, lực lượng sản xuất phát triển nhanh và quốc tế hóa cao độ, đẩy nhanh xu thế toàn cầu hóa. Trong bối cảnh đó, các nước đều tìm cách giành cho mình một vị thế xứng đáng trong phân công lao động quốc tế, tranh thủ vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý để phát triển, đấu tranh để bảo vệ lợi ích của mình. Việt Nam cũng đã đàm phán và ký Hiệp định Thương mại với Mỹ và đang đàm phán về việc gia nhập WTO, mức hội nhập cao nhất, rộng nhất, có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết lập môi trường buôn bán và quan hệ hợp tác kinh tế với toàn bộ thế giới.

Các hoạt động đối ngoại phong phú, đa dạng cả theo đường Đảng lẫn Nhà nước và các hoạt động quốc tế nhân dân đã góp phần duy trì và củng cố quan hệ đoàn kết hữu nghị với các

đảng phái chính trị, trước hết là các Đảng cộng sản và công nhân, các tổ chức tiến bộ đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, từ đó tranh thủ sự hỗ trợ về chính trị có lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cả nền kinh tế, các ngành sản xuất, các doanh nghiệp và các loại hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đều phải đương đầu với sức ép cạnh tranh cực kỳ gay gắt. Lĩnh vực kinh tế đối ngoại Việt Nam, một lĩnh vực hết sức đa dạng, thường xuyên biến động và là động lực quan trọng hàng đầu thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng hội nhập hiện nay, đang chịu những tác động trực tiếp và hết sức to lớn của quá trình này

### **Hoạt động đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ**

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam mà đặc biệt là đầu tư trực tiếp có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây do thực hiện những cải thiện quan trọng của môi trường đầu tư trong nước đã làm tăng mức hấp dẫn trong thu hút đầu tư nước ngoài đặc biệt là việc loại bỏ dần các rào cản trong đầu tư như cam kết có liên quan đến Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs), Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ, Hiệp định tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư Việt-Nhật, mở cửa thị trường, sự thay đổi trong chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài và những thay đổi trong quan hệ quốc tế trong khu vực... Bên cạnh đó, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định tránh đánh thuế trùng, hiệp định bảo hộ đầu tư với nhiều quốc gia đối tác quan trọng trong đầu tư của Việt Nam... Các hoạt động đầu tư nước ngoài đang dần dần có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam và là khu vực đi tiên phong trong cạnh tranh quốc tế so với các lĩnh vực khác của kinh tế đối ngoại. Khả năng gia tăng của dòng vốn đầu tư trực tiếp này còn rất lớn trong thời gian tới vì những cơ hội thị trường đầu tư của Việt Nam còn rất lớn, nhiều hình thức đầu tư mới đã được pháp luật Việt Nam cho phép vận hành sáp nhập và mua lại (M & A), đầu tư gián tiếp, cho phép việc mua cổ phần, việc mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, mạng lưới phân phối. Điều đặc biệt là Việt Nam đã có các quy định pháp luật rõ ràng về đầu tư nước ngoài- dấu hiệu khẳng định sự trưởng thành của các doanh nghiệp Việt Nam. Việt Nam đã tiếp nhận đáng kể nguồn vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các nhà đầu tư nước ngoài, phục vụ trực tiếp cho quá trình đổi mới kinh tế, giải quyết gần 1 triệu việc làm trực tiếp và thúc đẩy xuất khẩu. Pháp luật bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp được hoàn thiện dần, nhiều hình thức chuyển giao công nghệ đã được áp dụng và có xu hướng thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ Việt Nam. Hình thức cấp giấy phép, nhượng quyền thương mại, đấu thầu quốc tế, các hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, sản phẩm và dịch vụ đang có xu hướng phát triển mạnh. Hoạt động chuyển giao công nghệ thông qua các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thực hiện. Các công nghệ lắp ráp, sửa chữa ô tô, xe máy, các sản phẩm cơ khí, điện

từ...đang được chuyển giao sang phía Việt Nam. Tuy nhiên, có thể thấy đây là những công nghệ đơn giản, Việt Nam vẫn thiếu công nghệ nguồn và bí quyết công nghệ là yếu tố kiến tạo thế mạnh cốt lõi và năng lực cạnh tranh doanh nghiệp. Việc phát triển doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài làm giảm khả năng học hỏi và tiếp nhận bí quyết công nghệ. Tình trạng vi phạm bản quyền, nạn hàng giả, buôn lậu...cũng là yếu tố cản trở khá lớn hoạt động chuyển giao công nghệ..

### **Tình hình kinh tế đối ngoại năm 2002**

Năm 2002, Việt Nam tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế theo phương châm Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế và đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Quan hệ hợp tác với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực đều được thúc đẩy cả về lượng và chất. Các nước và các đối tác đều đánh giá cao những thành tựu của Việt Nam, đặc biệt là sự ổn định và an ninh ở Việt Nam, mong muốn tăng cường hợp tác với Việt Nam.

Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống và nông sản khác tuy kim ngạch không lớn nhưng đạt tăng trưởng cao cả về lượng và kim ngạch xuất khẩu năm 2002 tăng hơn 2001 do một số nguyên nhân sau:

- (a) Mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Tính đến cuối tháng 10 hàng xuất khẩu của nước ta đã có mặt trên 200 nước và khu vực lãnh thổ;
- (b) Giá một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu đã dần phục hồi, giá gạo và dầu thô tăng đáng kể
- (c) Trong những tháng cuối năm cơ chế, chính sách có liên quan đến xuất khẩu tiếp tục được cải thiện như giảm tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng nông, lâm và thủy sản; ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp cung ứng nguyên liệu làm hàng xuất khẩu...

### **Về phương hướng hoạt động đối ngoại năm 2003:**

Tiếp tục đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế và tăng cường chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo môi trường quốc tế hòa bình, ổn định để phát triển, tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài và không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; Tiếp tục thúc đẩy hoạt động đối ngoại trên mọi lĩnh vực theo hướng nâng cao hiệu quả thiết thực phục vụ phát triển kinh tế, tăng cường trao đổi văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục, tạo dựng khuôn khổ quan hệ hữu nghị và hợp tác ổn định, xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, lâu dài với các nước; Tiếp tục chủ động hội nhập tham gia hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, năng động tìm kiếm, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển.

### **Tình hình kinh tế đối ngoại năm 2004:**

Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong năm 2004 đã được triển khai đồng bộ dưới những hình thức đa dạng và phong phú, góp phần quan trọng vào việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, tích cực thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đã được triển khai rất chủ động, có trọng tâm và ưu tiên hợp lý, xử lý đúng đắn và kịp thời các vấn đề đối ngoại nảy sinh, đạt được nhiều thành tựu khích lệ, góp phần thiết thực vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Sự đan xen về quan hệ, ràng buộc về lợi ích với tất cả các đối tác quan trọng, đặc biệt là các nước láng giềng khu vực và các nước lớn đã góp phần tạo ra những chuyển biến về chất trong quan hệ với các đối tác này. Công tác hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực đã được đẩy mạnh, qua đó góp phần nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, tranh thủ hợp tác nhất là hợp tác về kinh tế thương mại, đầu tư và du lịch... Công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế đã có bước chuyển rõ rệt, giúp duy trì và mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại, du lịch, đầu tư với các nước, tích cực tham gia giải quyết những tranh chấp nảy sinh. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Việc tổ chức Trại hè 2004 cho con em Việt kiều được đánh giá thành công, có tác dụng thiết thực đối với việc giáo dục các thế hệ Việt kiều hướng về Tổ quốc. Sự phối hợp giữa hoạt động đối ngoại của Nhà nước với hoạt động đối ngoại của Đảng, Quốc hội và đối ngoại nhân dân được tăng cường, tạo sự đan xen nhiều tầng nấc về quan hệ và lợi ích, mở rộng giao lưu giữa các tổ chức và nhân dân Việt Nam với các nước trên thế giới, qua đó góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước. Hoạt động đối ngoại của các ngành, các cấp đã được coi trọng và thúc đẩy. Công tác ngoại vụ địa phương của các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh biên giới với các nước láng giềng đã được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, tác động thiết thực tới việc thúc đẩy quan hệ nhiều mặt với các đối tác.

### **Tình hình kinh tế đối ngoại năm 2005**

Năm qua, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, đưa lại những thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức, khó khăn đối với an ninh và phát triển của nước ta. Tăng trưởng kinh tế thế giới đang có xu hướng giảm dần, giá nguyên liệu và đặc biệt là giá dầu thường xuyên biến động ở mức cao; trong khi đó, xu hướng bảo hộ mậu dịch ở các nước phát triển cũng đang có chiều hướng gia tăng.

Tuy nhiên, nước ta có những thuận lợi rất cơ bản đó là môi trường chính trị, an ninh tiếp tục giữ được ổn định, kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao, từng bước tăng cường tiềm lực của đất nước, các nước lớn và khu vực đều coi trọng và mong muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác với ta. Trên thế giới, hòa bình và hợp tác để phát triển vẫn là xu thế lớn. Chúng ta mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế cả về bề rộng lẫn bề sâu, góp phần quan trọng vào việc tiếp tục giữ vững và củng cố môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, tạo những điều kiện quốc tế ngày càng thuận lợi để bảo vệ vững chắc an ninh, chủ quyền; tranh thủ được nhiều hơn hợp tác quốc tế, nhất là trong các lĩnh vực như kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển, tạo thêm tiềm lực phục vụ

công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước ta trên trường quốc tế.

Số vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam năm 2005 đã vượt mốc 5 tỷ USD là con số cao nhất trong vòng gần 10 năm trở lại đây. Số vốn ODA các nhà tài trợ vừa cam kết dành cho Việt Nam trong năm tới là 3,74 tỷ USD, một con số kỷ lục từ trước đến nay, phản ánh lòng tin của cộng đồng quốc tế vào sự thành công của Việt Nam trong quá trình đổi mới và phát triển. Ngoài ra, chúng ta cũng tranh thủ được sự giúp đỡ và hợp tác của các nước trong việc khống chế và đối phó với dịch cúm gia cầm.

Công tác thông tin đối ngoại tiếp tục được cải tiến, đóng góp tích cực vào việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, định hướng dư luận, giải tỏa những ý kiến không thuận và đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc.

#### **Thuận lợi:**

-Nền kinh tế tăng trưởng mạnh, trong khi vẫn duy trì được những nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc (tỷ lệ nợ thấp, lạm phát ở mức có thể chấp nhận được, tỷ lệ tiết kiệm cao và sự phân hoá giàu nghèo thấp).

-Môi trường chính trị và xã hội ổn định: là một quốc gia yên bình, không có nạn khủng bố, không nằm trong khu vực nhiều thiên tai và chi phí nhân công thấp.

-Nền kinh tế đang dần hội nhập với kinh tế thế giới. Việt Nam dự đoán sẽ trở thành thành viên của WTO trong năm 2006 và đang nỗ lực đẩy mạnh việc mở rộng thị trường trên phạm vi lớn (gồm các ngành dịch vụ nhạy cảm, ngân hàng và tài chính).

#### **Khó khăn:**

-Giá xăng dầu và nguyên liệu đầu vào tăng cao, thiếu hụt điện do hạn hán gây ra.

-Giá dầu thô dao động ở mức cao trong năm cũng gây ra nhiều xáo động

-Ngoài các vấn đề an ninh năng lượng, sản xuất công nghiệp sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh quốc tế khốc liệt hơn trong năm 2006, khi Việt Nam dự kiến sẽ gia nhập WTO, và cũng sẽ tham gia đầy đủ vào Chương trình Ưu đãi Thuế quan có Hiệu lực chung (CEPT) của Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), (theo đó thuế quan đối với hàng hoá nhập khẩu của ASEAN sẽ được giảm xuống 0-5%). Những áp lực cạnh tranh này trong khi khả năng cạnh tranh của các ngành sản xuất nội địa nhìn chung vẫn còn rất thấp, sẽ đặt ra thách thức lớn đối với nền kinh tế trong những năm tới. Bên cạnh đó, giá cả của các nguyên liệu đầu vào quan trọng như than, điện, xăng dầu vốn được nhà nước trợ giá rất có khả năng sẽ tăng lên gần mức quốc tế, tạo thêm gánh nặng đối với các nhà sản xuất trong nước.



-Cúm gia cầm vẫn là nhân tố rủi ro cao nhất đối với nền kinh tế

### **Tình hình kinh tế đối ngoại năm 2006**

Trong các thành tựu to lớn về hoạt động đối ngoại năm 2006, nổi bật nhất là việc chúng ta tổ chức thành công Hội nghị các nhà lãnh đạo các nền kinh tế thành viên APEC 14 và tuần lễ APEC 2006, nước ta đã được kết nạp vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và được các nước trong khu vực nhất trí đề cử là ứng cử viên duy nhất của châu Á vào ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Thành công của Hội nghị Cấp cao APEC 14 đã để lại trong lòng nhân dân thế giới hình ảnh một nước Việt Nam hòa bình, năng động, cởi mở và mến khách, một Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế. Việc tổ chức thành công Tuần lễ APEC 2006 diễn ra cùng lúc Việt Nam được công nhận là thành viên thứ 150 của WTO và được cả châu Á đề cử là ứng cử viên chính thức vào Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009 đánh dấu sự hội nhập hoàn toàn của nước ta vào nền kinh tế và chính trị thế giới với tư cách là một thành viên có trách nhiệm, đối tác tin cậy trong việc cùng cộng đồng quốc tế phấn đấu xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định, công bằng, dân chủ, hài hòa và phát triển thịnh vượng.

Năm 2006, quan hệ ngoại giao song phương giữa Việt Nam và các nước cũng đã có những chuyển biến quan trọng. Quan hệ hợp tác song phương, nhất là với các đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, do đó chúng ta đã tranh thủ mở rộng hơn sự hợp tác kinh tế, trao đổi thương mại, tranh thủ đầu tư, xử lý tốt các vấn đề tồn tại hoặc mới nảy sinh trong quan hệ giữa ta và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Việt Nam luôn coi trọng việc củng cố và tăng cường với các nước bạn bè truyền thống cũng như tất cả các nước đang phát triển.

Hoạt động ngoại giao nhân dân trong năm qua được triển khai tích cực theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả" nhằm tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho công cuộc xây dựng đất nước và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước trong cuộc đấu tranh nhằm chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, tích cực vận động bạn bè quốc tế ủng hộ nạn nhân chất độc da cam và giải quyết các vấn đề gây ra do hậu quả của chiến tranh.

Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục thu được những kết quả tốt. Chúng ta tiếp tục triển khai và cụ thể hóa Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị bằng những chính sách và biện pháp cụ thể để tạo điều kiện thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của bà con Việt kiều hướng về xây dựng đất nước.

Nhìn tổng quát, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt mức Quốc hội đề ra. Nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các cân đối lớn được bảo đảm và ổn định được kinh tế vĩ

mô. Các lĩnh vực về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hoá, thông tin, dạy nghề, y tế, thể dục thể thao và nhiều lĩnh vực xã hội khác cũng có chuyển biến tích cực.

### **Tình hình kinh tế đối ngoại năm 2007**

Năm 2007 để lại trong mỗi người dân Việt Nam niềm phấn khởi và tự hào về những bước tiến quan trọng của đất nước trên con đường phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế.

*Thứ nhất*, thành tựu trước hết là chúng ta đã đưa khuôn khổ quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, nhất là các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, lên tầm cao mới và mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác tiềm năng khác. Đối ngoại đã góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, đấu tranh có hiệu quả chống mọi âm mưu can thiệp, chống phá Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*Thứ hai*, công tác ngoại giao phục vụ kinh tế được thúc đẩy mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào việc đạt kỷ lục về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI, viện trợ phát triển (ODA), thương mại, du lịch, lao động và kiều hối... mở ra những cơ hội phát triển kinh tế nước ta trong những năm tới.

*Thứ ba*, hoạt động ngoại giao đa phương tiếp tục được triển khai tích cực, nổi bật trong năm qua là việc Việt Nam được bầu vào vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009 với số phiếu rất cao.

*Thứ tư*, công tác bảo hộ công dân và vận động người Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục thu được những kết quả quan trọng qua những chính sách và biện pháp cụ thể như Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài; bảo vệ các quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt, lợi ích của doanh nghiệp, doanh nhân, lao động, công dân Việt Nam ở nước ngoài; hỗ trợ cứu nạn bà con ngư dân ta bị thiên tai, bão lụt...

*Thứ năm*, công tác thông tin tuyên truyền và văn hoá đối ngoại tiếp tục đổi mới, phát huy tính chủ động, sáng tạo, quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam năng động, đổi mới, thân thiện, thủy chung và là một điểm đến an toàn của thế giới.

Yêu cầu đặt ra hiện nay và trong những năm tới là cần tiếp tục đổi mới tư duy, quán triệt sâu sắc nội dung, nhiệm vụ của đường lối, chính sách mà Đại hội X của Đảng đề ra; tăng cường tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong hoạt động đối ngoại; kết hợp chặt chẽ giữa chính trị, kinh tế và văn hoá; phối hợp chặt chẽ đối ngoại với các lĩnh vực khác như quốc phòng, an ninh, ngoại giao nhân dân... để tạo ra sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công

ng nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Trên cơ sở đó, hoạt động đối ngoại thời gian tới sẽ tập trung vào một số hướng chính sau:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao khuôn khổ quan hệ hợp tác với các nước; phát huy vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc; tham gia tích cực hơn nữa trong các diễn đàn đa phương ở khu vực và trên thế giới; chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, nhằm nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam.
- Đẩy mạnh công tác ngoại giao phục vụ kinh tế; triển khai mạnh mẽ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện N/Q TW 4 khóa X về việc đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững; thúc đẩy hợp tác đa chiều trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, KH - CN...
- Tập trung hoàn thành việc phân giới, cắm mốc với các nước láng giềng trong năm 2008; kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh về biên giới lãnh thổ trên bộ cũng như trên biển với các nước, góp phần vào việc tạo môi trường thuận lợi cho phát triển và bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong giai đoạn mới; tăng cường công tác bảo hộ công dân, tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào hội nhập thành công vào đời sống nước sở tại và đóng góp cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Đẩy mạnh đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền và văn hoá đối ngoại, phối hợp và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

Công tác Ngoại giao kinh tế đã nhận được sự hỗ trợ và phối hợp tích cực của nhiều bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, nhờ vậy ngành Ngoại giao đã làm tốt Năm Ngoại giao kinh tế, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Về phương hướng đối ngoại và hội nhập trong 5 năm tới, trên cơ sở đánh giá sâu sắc những cơ hội và thách thức, Đại hội X khẳng định phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn, bền vững hơn nhằm sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hoá theo hướng hiện đại. Nhiệm vụ đối ngoại là giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa cho công cuộc đổi mới. Tiếp tục giương cao hơn nữa ngọn cờ hoà bình, hợp tác và phát triển; Việt Nam là bạn là đối tác tin cậy của các nước. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố và hoàn thiện khuôn khổ quan

hệ ổn định, lâu dài với các nước nhất là những nước láng giềng khu vực, các nước lớn và các đối tác quan trọng khác. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn, đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương sau khi gia nhập WTO; cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút FDI, ODA, thúc đẩy mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, mở rộng thị trường với các nước, các tổ chức quốc tế. Xây dựng và củng cố đường biên giới hòa bình, hợp tác phát triển với các nước láng giềng. Đại hội X tiếp tục khẳng định, đồng bào Việt Nam định cư ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước. Để đưa hình ảnh Việt Nam ra quốc tế, nhấn mạnh đến công tác thông tin tuyên truyền và văn hóa đối ngoại, nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, sự hợp tác và tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước, góp phần làm cho bạn bè thế giới hiểu rõ hơn về công cuộc đổi mới, về đất nước, con người Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển.

### **e. Liên hệ chính sách kinh tế đối ngoại mà chính phủ Việt Nam đang theo đuổi với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO**

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là một quá trình vận động quan trọng mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội và buộc Việt Nam phải đối mặt với những áp lực điều chỉnh cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý với những thách thức to lớn và tất yếu.

Tổ chức thương mại thế giới (WTO) là tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu, chiếm hơn 90% thương mại thế giới. Hoạt động của tổ chức này được điều tiết bởi 16 hiệp định chính. Đó là Hiệp định chung về thương mại và thuế quan (GATT 1947), Hiệp định nông nghiệp, Hiệp định về thương mại hàng dệt - may, Hiệp định thực thi Điều VII về trị giá tính thuế hải quan, Hiệp định về quy tắc xuất xứ, Hiệp định thực thi Điều VI về chống bán phá giá và thuế đối kháng, Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng và Điều XVI của GATT, Hiệp định về các biện pháp tự vệ và Điều XIX của GATT, Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan thương mại (TRIMS), Hiệp định về áp dụng các biện pháp kiểm dịch động, thực vật, Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, Hiệp định về giám định hàng hóa trước khi xếp hàng, Hiệp định về cấp phép nhập khẩu và Điều VIII của GATT, Hiệp định về mua sắm của chính phủ, Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), Hiệp định về các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ liên quan thương mại (TRIPS).

Đối với kinh tế đối ngoại và vị thế quốc tế của Việt Nam, cùng với việc trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ nhiệm kỳ 2008 - 2009, việc gia nhập WTO góp phần nâng cao đáng kể vị thế của ta trên trường quốc tế và khẳng định với thế giới về chính sách đối ngoại chủ động, tích cực và có trách nhiệm của Việt Nam. Với tư cách là thành viên WTO, ta có điều kiện để tham gia tích cực và tăng cường vai trò trong hệ thống thương mại đa phương, góp phần bảo vệ hiệu quả và mở rộng các lợi ích của đất nước, thể hiện cụ thể trên các khía cạnh sau:

- Thông qua việc chủ động và tích cực tham gia đàm phán tại Vòng Đô-ha, nhất là trong khuôn khổ Nhóm RAMs, ta có điều kiện cùng các nước đang phát triển đấu tranh nhằm thiết lập một hệ thống thương mại đa phương công bằng, cân bằng hơn và tính đến lợi ích của các nước đang và kém phát triển. Tiến trình này đến nay đã đạt kết quả bước đầu: nhiều khả năng Việt Nam, cùng một số thành viên mới gia nhập khác, sẽ được miễn trừ các nghĩa vụ mới về mở cửa thị trường khi Vòng Đô-ha kết thúc.
- Với tư cách thành viên WTO, ta có điều kiện chủ động yêu cầu đàm phán song phương với một số đối tác xin gia nhập WTO, qua đó góp phần giải quyết các vướng mắc trong quan hệ kinh tế - thương mại của ta với các đối tác này.
- Sau khi ta gia nhập WTO, nhiều đối tác kinh tế - thương mại chủ chốt, trong đó có Mỹ, EU, Nhật Bản, Ca-na-đa v.v., ngày càng nhìn nhận Việt Nam như một đối tác giàu tiềm năng và quan trọng tại khu vực Đông - Nam Á. Ta cũng tận dụng các mối quan hệ mở rộng để đẩy mạnh triển khai liên kết kinh tế song phương và khu vực. Theo đó, ta đã ký và thực hiện Hiệp định khung về thương mại và đầu tư với Mỹ (TIFA), hoàn tất đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế (EPA) với Nhật Bản; đang đàm phán Hiệp định Mậu dịch Tự do (FTA) với Chi-lê, Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương (FIPA) với Ca-na-đa, Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA) với EU; dự kiến sẽ khởi động đàm phán Hiệp định đầu tư song phương (BIT) với Mỹ...

Tuy nhiên, việc gia nhập WTO và hội nhập sâu rộng cũng đặt ra những thách thức cho kinh tế đối ngoại của ta. Trong cam kết gia nhập WTO, ta phải chấp nhận thời hạn 12 năm trước khi được công nhận là nước có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Điều này tạo ra sự phân biệt đối xử với các doanh nghiệp và ngành kinh tế của ta khi xảy ra các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp do các đối tác nước ngoài khởi xướng. Do vậy, việc vận động các nước sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường đối với Việt Nam là một ưu tiên của ta sau khi gia nhập WTO. Bên cạnh đó, việc tham gia hàng loạt các tiến trình liên kết kinh tế song phương và khu vực trong thời gian qua cũng hàm chứa không ít thách thức, đặc biệt về nguồn lực đàm phán và khả năng tranh thủ các lợi ích do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang có những đột biến khó lường, tiếp tục tác động không thuận đến kinh tế trong nước, để tăng cường hiệu quả việc thực thi các cam kết với WTO trong thời gian tới, qua đó phục vụ đắc lực sự phát triển bền vững của đất nước, cần tập trung vào một số định hướng sau:

**Thứ nhất**, để sớm ổn định kinh tế vĩ mô, các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ, đẩy mạnh việc thực hiện tám nhóm giải pháp kinh tế nhằm sớm kiềm chế lạm phát, giảm nhập siêu, đồng thời triển khai những đối sách thích hợp để hạn chế tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới hiện nay. Các biện pháp áp dụng cần phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế và quy định của WTO.

**Thứ hai**, tiếp tục thực hiện đầy đủ các cam kết gia nhập WTO, đi đôi với chủ động, tích cực tham gia đàm phán thương mại đa phương, nỗ lực cùng các thành viên WTO sớm kết thúc Vòng Đô-ha với những kết quả công bằng, cân bằng và vì mục tiêu phát triển.

**Thứ ba**, sớm xây dựng và hoàn thiện chiến lược hội nhập kinh tế tổng thể trong giai đoạn tới với những trọng tâm, ưu tiên rõ ràng và phù hợp điều kiện phát triển của Việt Nam, trong đó thống nhất định hướng tham gia chủ động, tích cực và cân bằng vào hội nhập đa phương và liên kết khu vực, song phương. Chiến lược này cần bảo đảm các điều kiện thuận lợi nhất cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở trong nước, điều hòa được mối quan hệ phức tạp, đan xen giữa các cam kết quốc tế của Việt Nam nhằm tăng cường tác động hỗ trợ lẫn nhau giữa các cam kết này, đồng thời nâng vai trò của Việt Nam trong quá trình hoạch định chính sách thương mại toàn cầu.

**Thứ tư**, đẩy mạnh việc vận động chính trị và đàm phán kỹ thuật với các đối tác về quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam, góp phần giảm thiểu sự phân biệt đối xử và tác động tiêu cực của các tranh chấp thương mại do các đối tác nước ngoài khởi kiện nhằm vào các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

**Thứ năm**, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của giai đoạn hội nhập sâu rộng; đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến thông tin để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và của toàn xã hội về quyền lợi và nghĩa vụ khi Việt Nam là thành viên WTO. Kinh tế Việt-Nam phát triển khả quan nhờ những yếu tố bên ngoài thuận lợi và chính sách vĩ mô thận trọng. Trong khi đó những trở ngại bên trong đã và đang làm giảm bớt tốc độ phát triển. Một nguy cơ Việt-Nam đang phải đối phó là sự phát triển thiếu quân bình giữa các vùng và giữa hai giới giàu nghèo. Việc gia nhập WTO sẽ giúp kinh tế phát triển thêm nhưng đồng thời sẽ làm cho sự phân hoá xã hội ngày càng trầm trọng nếu Việt-Nam không sẵn sàng đáp ứng với những xáo trộn do sự hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra. Việc gia nhập WTO đánh dấu một giai đoạn đổi mới thực sự. Nó đòi hỏi Việt-Nam thực hiện những cải tổ kinh tế sâu rộng và khó

khăn hơn những gì đã làm trong hai thập niên vừa qua. Việt-Nam cần phải chú trọng hơn về sự phát triển hạ tầng cơ sở và chất lượng của sự phát triển thay vì chỉ máy móc nhắm vào những chỉ tiêu. Với đà phát triển hiện nay, Việt-Nam vẫn không có cơ may để thoát khỏi tình trạng tụt hậu và tham nhũng so với những nước láng giềng, dù mức độ phát triển của những nước này thua kém Việt-Nam.

Việc gia nhập WTO đã đánh dấu quá trình tham gia sâu rộng của nền kinh tế nước ta vào hệ thống kinh tế quốc tế, với những cơ hội và thách thức, những tác động cả thuận và không thuận đối với công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, quá trình này diễn ra trong bối cảnh kinh tế khu vực và kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và tác động sâu rộng đến các nền kinh tế trên thế giới. Những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước trong hơn hai thập kỷ qua, cùng với cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, như đã được khẳng định tại Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006), cũng như sự chủ động và quyết tâm của Chính phủ và của toàn xã hội trong việc tận dụng tối đa các cơ hội và vượt qua các thách thức, là cơ sở vững chắc để chúng ta tin tưởng vào những bước phát triển mới của đất nước trong thời gian tới.

## Kết luận

Thế kỷ 21 đang mở ra những cơ hội to lớn nhưng cũng chưa đựng rất nhiều thách thức. Sau gần hai thập kỷ tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Chúng ta có lợi thế rất lớn là tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tiếp tục tạo điều kiện để Việt Nam phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực. Tuy nhiên, chúng ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn.

Nhằm phát huy những thành tựu to lớn đã đạt được trong gần hai thập kỷ tiến hành công cuộc Đổi mới và vươn tới mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế với phương châm "*Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*"\*



Chủ động hội nhập quốc tế, trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế là nội dung quan trọng trong đường lối và hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa và cách mạng khoa học kỹ thuật diễn ra rất mạnh mẽ hiện nay. Trong tiến trình hội nhập này, Việt Nam đặt ưu tiên cao cho việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng và đa dạng hoá thị trường, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và khoa học công nghệ tiên tiến cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.